TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/DS-ST
Ngày: 14-8-2018.
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất,
chấm dứt hành vi xâm phạm quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Lâm.

2. Ông Nguyễn Sơn Tùng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hồ Thị Y Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đực - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 300/2017/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2017, về tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu chấm dứt hành vi xâm phạm quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2018/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Anh Tô Đ, sinh năm 1979;

1.2 Bà Huỳnh N, sinh năm 1949;

Cùng địa chỉ cư trú: Số 328, tổ 19, ấp L, xã B, huyện HN, tỉnh Đ.

1.3 Chị Tô A, sinh năm 1968. Địa chỉ cư trú: Ấp V, xã T, huyện TH, tỉnh Đ.

1.4 Chị Tô L, sinh năm 1971. Địa chỉ cư trú: Tổ 4, ấp V, xã B, huyện C, tỉnh A.

1.5 Anh Tô T, sinh năm 1974. Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh L.

1.6 Anh Tô N, sinh năm 1976. Địa chỉ cư trú: Số 522, ấp L, xã H, thành phố CL, tỉnh Đ.

Người đại diện hợp pháp cho chị Tô A, chị Tô L, anh Tô T, anh Tô N, bà Huỳnh N theo ủy quyền là anh Tô Đ; sinh năm 1979 (Các văn bản ủy quyền cùng ngày 22/8/2017 và ngày 08/01/2018). Địa chỉ cư trú: Số 328, tổ 19, ấp L, xã B, huyện HN, tỉnh Đ. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn anh Tô Đ là ông Nguyễn Hồng T - Luật sư của Văn phòng Luật sư Hồng T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ. Địa chỉ: Số 84, tổ 32, khóm 4, phường 6, thành phố C, tỉnh Đ. Có mặt.

2. Bị đơn:

2.1 Anh Tô D, sinh năm 1971. Nơi đăng ký HKTT: Ấp L, xã B, huyện HN, tỉnh Đ. Chổ ở hiện nay: Ấp Tân T, xã Tân H, thị xã HN, tỉnh Đ. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn anh Tô D là ông Lý Ngọc B (có mặt) và ông Nguyễn Văn T (vắng mặt) là Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 02 thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Đ. Địa chỉ: Số 47, đường Lê P, phường An T, thị xã HN, tỉnh Đ.

2.2 Ông Tô Thanh D, sinh năm 1961; Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã B, huyện HN, tỉnh Đ. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Chị Đoàn Thị K, sinh năm 1971. Nơi đăng ký HKTT: Ấp L, xã B, huyện HN, tỉnh Đ. Chổ ở hiện nay: Ấp Hòa T, xã Tân H, thị xã HN, tỉnh Đ. Vắng mặt.

3.2 Chị Tô Thị Thùy D, sinh năm 1990. Nơi đăng ký HKTT: Ấp L, xã B, huyện HN, tỉnh Đ. Chổ ở hiện nay: Ấp Hòa T, xã Tân H, thị xã HN, tỉnh Đ. Vắng mặt.

3.3 Chị Tô Thị Ngọc T, sinh năm 1996. Nơi đăng ký HKTT: Ấp L, xã B, huyện HN, tỉnh Đ. Chổ ở hiện nay: Ấp Hòa T, xã Tân H, thị xã HN, tỉnh Đ. Vắng mặt.

3.4 Cháu Tô Thị Phương N, sinh ngày 20/8/2010. Người đại diện hợp pháp cho cháu Tô Thị Phương N theo pháp luật là mẹ ruột chị Tô Thị Thùy D, sinh năm 1990. Nơi đăng ký HKTT: Ấp L, xã B, huyện HN, tỉnh Đ. Chổ ở hiện nay: Ấp Hòa T, xã Tân H, thị xã HN, tỉnh Đ. Vắng mặt.

4. Người làm chứng: Chị Tô Thị Cẩm V, sinh năm 1967; Anh Trần Phước C, sinh năm 1969; Ông Tô Thanh T, sinh năm 1948; Bà Phạm Thị P, sinh năm 1936; Ông Châu Văn Th, sinh năm 1931; Bà Hồ Thị L, sinh năm 1950; Bà Đặng Ngọc X, sinh năm 1964; Ông Tô Hồng S, sinh năm 1953. Cùng địa chỉ cư trú: Ấp L, xã B, huyện HN, tỉnh Đ; Anh Tô Văn L, sinh năm 1964. Địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã Tân B, huyện TH, tỉnh Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/12/2017, lời khai trong quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn anh Tô Đ, bà Huỳnh N, chị Tô A, chị Tô L, anh Tô T, anh Tô N do anh Tô Đ đại diện, trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông nội anh là ông Tô Văn T (chết năm 1981), không nhớ năm nào chỉ nhớ cách nay trên 50 năm thì ông T để đất lại cho các con, có diện tích chiều ngang khoảng 18m x dài khoảng 100m, lúc cho đất không có đo đạc. Phần của cha anh là ông Tô Hồng L được cho là một cái ao không biết diện tích ngang dài bao nhiêu nhưng theo sơ đồ đo đạc thực tế có diện tích 301,4m^2 thuộc một phần thửa đất số 85 tờ bản đồ 08 tọa lạc tại ấp L, xã B, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi cha anh đào ao, lấp ao, trồng cây thì không ai tranh chấp. Nhà anh D cất khi nào không nhớ, gia đình anh không tranh chấp, trước khi lấp ao thì gia đình anh D đi từ nhà thẳng ra đường đal, đi trên thành ao của gia đình anh và anh Tô Văn L. Vào ngày 26/02/2017 cha anh qua đời sau khi xây dựng khu mồ mã thì gia đình anh đã xây vòng thành (hàng rào) thì anh D, ông Thanh D ngăn cản không cho xây và yêu cầu gia đình anh để trống, nói đất của ông bà anh D, ông Thanh D để lại không được xây. Nếu gia đình anh xây hàng rào thì bên hông nhà anh D vẫn có đường đi. Trước đây gia đình anh có thống nhất chừa phần đường đi cho gia đình anh D theo sơ đồ đo đạc thực tế của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện HN là từ mốc M6 đến mốc M1 và bắn thẳng qua mốc M2 nhưng gia đình anh D không đồng ý. Anh, bà Huỳnh N, chị Tô A, chị Tô L, anh Tô T, anh Tô N yêu cầu Tòa án xác định ranh đất theo sơ đo đạc thực tế ngày 09/02/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện HN cụ thể phía giáp với nhà anh D là phần ăn của ông Thanh D từ mốc M1 đến mốc M2, phía giáp với đất anh Tô Văn L từ mốc M2 đến mốc M3, phía giáp với đường đal là từ mốc M3 đến mốc M4, từ mốc M4 đến mốc M5, từ mốc M5 đến mốc M6 từ mốc M6 đến mốc M1 có diện tích 301,4m^2 thuộc một phần thửa đất số 85, tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc tại ấp L, xã B, huyện HN, tỉnh Đ và công nhận quyền sử dụng đất để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo sơ đồ đo đạc thì cầu thang nhà anh D có dính vào phần đất tranh chấp nhưng hiện anh D đã di dời toàn bộ căn nhà của mình đi nơi khác nên anh không yêu cầu di dời cầu thang nữa. Anh không thống nhất theo ý kiến của ông Thanh D là chừa đường đi cho gia đình anh D và ranh đất giữa hai bên là gốc cây me tây chỗ ông Thanh D chỉ, ngang dưới mộ cha anh.

Trong quá trình tiến hành tố tụng:

Bị đơn ông Tô Thanh D, trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là vào năm 1945 cha ông là ông Tô Văn N mua của ông Hồ Văn S sử dụng từ đó đến nay, có chiều ngang 36m, chiều dài không biết, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lý do ranh đất trên và ranh đất dưới chưa ổn định, hàng năm ông đóng thuế đất ở. Cụ thể: anh em ông Tô Văn T và ông Tô Văn N thỏa thuận ông N ở phía trên, ông T ở phía dưới, không biết cụ thể diện tích bao nhiêu, phần ông T thì con, cháu ông T đào ao, sử dụng, phần của ông N thì con, cháu ông N đào ao, sử dụng, ông không biết rõ diện tích mỗi ao bao nhiêu, có khi đào lấn qua lấn lại. Trong đó, phần đất đang tranh chấp trước đây là một cái ao của ông L, đào từ khi nào ông không nhớ, cũng không biết diện tích bao nhiêu nhưng theo sơ đồ đo đạc thực tế của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện HN thì có diện tích 301,4m^2 thì ông không đồng ý. Vì thành ao nhà ông L trước đây là chỗ gốc me tây trước cửa nhà anh D (phía giáp với anh Tô Văn L) còn cây me tây chỗ gốc nhà anh

D, mốc M2 là ông Tô Bửu L trồng (cha chị Tô Thị Thanh N và anh Tô Văn L) trên thành ao của ông L. Từ trước đến nay không có ranh thể hiện đất của ai, như thế nào. Vì đất con, cháu ai đào ao, trồng cây thì người đó sử dụng. Con cháu muốn sử dụng đất như thế nào thì cũng hỏi ý kiến ông, vì tộc họ giao cho ông sắp xếp, sống thì ở chết thì chôn. Đến năm 2017 ông Tô Hồng L qua đời thì vợ và con ông L làm thêm một vòng thành bao bọc, bít đường vô ra nhà anh Tô D, ông có bàn bạc nhiều lần chừa đường đi cho nhà anh D nhưng phía anh Đ không đồng ý, buộc anh D phải đi ra vòng mã (đường đất phía nhà anh Di).

Theo ông biết thì cái ao của ông L chỉ đến gốc me tây trước cửa nhà anh D, không phải đến mốc M1, M2 nên việc anh Đ yêu cầu Tòa án xác định ranh đất như sơ đồ đo đạc thì ông không đồng ý, ông không có tranh chấp gì với các nguyên đơn, trước đó ông chỉ yêu cầu anh Đ chừa đường đi cho gia đình anh D, đi từ đường nhà anh D ra đường đal có chiều ngang khoảng 02m, phía giáp với đất anh L và anh Đ cũng đồng ý và cắm cây để xây vòng thành đến đó nhưng sau đó không biết ai dời cây đã cắm hẹp hơn lúc đầu thỏa thuận nên anh D không cho xây hàng rào. Anh Đ nên chừa cho anh D đường đi, từ mốc M6 đến gốc me tây thứ hai (theo sơ đồ) bắn thẳng ra đường đal và từ mốc M2 đến mốc M3 có chiều ngang 1,5m.

Bị đơn anh Tô D, trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp của ông cố là ông Tô Văn D để lại cho con là ông Tô Văn N là cha của ông Thanh D và ông Tô Hồng T là cha của ông L và là ông nội của anh Đ. Không biết để lại đất khi nào, không biết diện tích bao nhiêu, chỉ biết phía dưới giáp đất ông Châu Văn T, phía trên giáp với đất ông chín N. Chỉ nói đất của ông bà, tông chi không có cho riêng ai, con cháu ai muốn ở thì ở, chết thì chôn nhưng phải xin ý kiến của ông Thanh D. Vì ông Thanh D là người lớn trong tộc họ. Phần diện tích đang tranh chấp có mộ của ông L trước đây là một cái ao, không biết có từ khi nào và diện tích bao nhiêu và ai đào và trồng cây khi nào chỉ biết ông L nuôi cá, sau đó lấp ao. Vào năm 2006-2007 thì anh cất nhà gần phần đất tranh chấp, không biết thành ao có diện tích ngang dài bao nhiêu, anh đã dọn dẹp, sửa chữa để có đường đi từ nhà ra đường. Trước cửa nhà anh có cây me nước do bà N trồng, bà N kêu anh đốn chia làm hai để làm củi, hiện vẫn còn vài gốc cồng gần trước cửa nhà anh, khi anh cất nhà định quay cửa lên thì bà N nói với vợ chồng anh là "cất nhà quay cửa lên buồn lắm còn quay cửa xuống thì vô ra dể". Việc bà N nói không có gì chứng minh. Khi anh cất nhà, khi ông L chết chôn không ai tranh chấp, ngăn cản. Không nhớ ngày tháng năm anh Đ làm hàng rào thì có bàn tính với anh, anh cũng thống nhất để anh Đ làm hàng rào nhưng chỉ đến trước cửa nhà anh không biết diện tích bao nhiêu nhưng theo sơ đồ Ủy ban xã đo. Sau đó, anh Đ không xây như vậy, mà xây ngang nhà anh không chừa đường đi từ nhà anh ra đường đal mà chỉ chừa đường đi ra đường đất, ở phía nhà anh Di nên anh không thống nhất, không cho anh Đ tiếp tục xây dựng hàng rào. Đất anh cất nhà ở, đất anh Đ xây hàng rào không phải của riêng ai mà là của chung ông bà. Nay các nguyên đơn yêu cầu xác định ranh đất như theo sơ đồ đo đạc, có diện tích 301,4m^2 thì anh không đồng ý. Anh thống nhất theo ý kiến của ông Tô Thanh D, còn nếu phía anh Đ không đồng ý thì anh không thống nhất cho anh Đ xây hàng rào. Thống nhất giữ nguyên hiện trạng như hiện nay để cho người thân ai chết thì chôn, không có đất cất nhà thì cất ở. Ngoài ra, anh không yêu cầu

gì khác.

Người làm chứng:

Chị Tô Thị Cẩm V, trình bày: Chị là con của ông Tô Thanh X (tên khác là Hai T), cháu nội ông Tô Văn T. Khi ông nội còn sống có cho mỗi người con một phần đất để đào ao nuôi cá. Phần đất đang tranh chấp là cái ao của ông Tô Hồng L là phần ăn của ông L. Việc ông nội cho đất con cháu không có làm giấy tờ. Theo chị biết, phần đất tranh chấp trước đó là cái ao, sau đó ông L chạy trịnh lấp ao, lúc lấp ao không ai tranh chấp. Còn giáp với phần ăn của anh em chị là phần ăn của ông Tô Văn N. Chị không biết diện tích đất ông nội chị được hưởng là bao nhiêu, không biết ông nội để lại đất cho con cháu mỗi người bao nhiêu mét, chỉ biết ai đào được bao nhiêu hưởng bấy nhiêu. Trước khi ông L lấp ao không có đường đi từ nhà anh D ra đường đal, chị cũng không rõ nhà anh D cất khi nào.

Anh Tô Văn L, trình bày: Anh là con của ông Tô Bửu L, cháu nội ông Tô Văn T, anh thống nhất những gì chị Tô Thị Cẩm V đã trình bày. Phần ăn của ba anh giáp với phần ăn của ông Tô Hồng L, cây me tây trước cửa nhà anh Tô Phước D là ba anh trồng, anh không có tranh chấp gì với anh D, ông Thanh D, anh Đ. Anh thống nhất cây me tây trước cửa nhà anh D là ranh đất giữa anh với anh Đ, việc anh D tranh chấp như thế nào thì anh không biết, anh không có mâu thuẫn gì với ông Thanh D, anh D, anh Đ.

Anh Trần Phước C, trình bày: Anh là con của ông Trần Văn S (tên khác: Th) là anh bà con chú bác ruột với anh Đ, em bà con chú bác họ với anh D, kêu ông Thanh D bằng bác. Anh đã nghe lời trình bày của chị Cẩm V, thống nhất lời trình bày của chị V. Anh bổ sung thêm là nhà anh D cất trước khi ông Tô Hồng L lấp ao.

Ông Tô Hồng S, trình bày: Ông là con ruột của ông Tô Văn T, em ruột ông Tô Hồng L. Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông, bà để lại có chiều ngang 36m, chiều dài từ mí sông đến phần đất khu mồ mã. Sau đó, cha ông và cha ông Tô Thanh D là ông Tô Văn N thỏa thuận chia mỗi người phân nữa, việc thỏa thuận chia đất không có làm giấy tờ. Phần đất của ông N thì con, cháu ông N sử dụng, phần đất của ông T thì con, cháu ông T sử dụng. Khoảng năm 1960 các con ông T mỗi người đào một cái ao (hầm), ai đào thì người đó sử dụng, diện tích không lớn lắm, chiều dài khoảng 15m. Ông L cũng có đào ao nuôi cá. Không biết anh D cất nhà, ông L lấp ao khi nào. Lúc ông L chưa lấp ao thì nhà anh D đi trên thành ao. Sau đó, không nhớ ngày tháng năm ông Năm Th đào ao nên ông L lấy đất lấp ao. Không nhớ ngày tháng năm lúc đó tại nhà ông có mặt ông, ông Thanh D, anh Đ thì anh Đ thống nhất cho anh D phần đường đi ra đường đal từ cầu thang nhà anh D, đường đi chiều ngang 03m nhưng sau đó ông không biết lý do anh D đổi ý không cho anh Đ xây dựng hàng rào. Theo ông nếu anh Đ xây vòng thành mồ mã cũng nên chừa đường đi cho anh D, nếu chừa đường đi ở đường đất thì bít đường đal, nếu chừa đường đi ở đường đal thì bít đường đất lại. Ông đã lớn tuổi nên yêu cầu được vắng mặt tại các phiên tòa xét xử các cấp.

Ông Tô Thanh T, trình bày: Ông là anh ruột của ông Tô Thanh D, chú ruột anh D, không có mâu thuẫn với hai bên tranh chấp. Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông, bà trước đây đã cố cho ông cả nhưng khoảng năm 1931-1932 ông N

chuộc lại với giá 200 đồng bạc. Đến năm 1947 chạy giặt về xã L thì ông N cất nhà một bên, ông T cất nhà một bên. Theo ông biết phần đất trước giờ không có đo đạc, nhưng có 06 phần, mỗi phần 06m, tổng cộng chiều ngang 36m còn chiều dài từ mí sông đến phần đất nghĩa địa. Đất ông, bà con cháu muốn cất nhà thì cất, không có chia. Bên ông N con cháu đào ao, bên ông T con cháu cũng đào mỗi người cái ao, không biết diện tích ngang, dài bao nhiêu, ông L đào ao từ năm 1970 sau đó ông L nuôi cá không được nên lấp ao. Nhà anh D mới cất cách nay khoảng 10 năm, nhà anh D cất trên phần ăn của ông N nhưng cửa nhà quay ra phần đất của ông L, anh D đi trên đất ông L. Lúc đầu, ông nghe nói nhưng không nhớ người nào nói và anh D nói với anh Đ chừa đường đi 02m cho anh D đi ra đường đal, anh Đ cũng đồng ý nhưng sau đó anh D đổi ý đòi đường đi 04m nên anh Đ không đồng ý. Theo ông chừa đường đi bên anh Di cũng được nhưng hơi khó, vì nhà anh Di nuôi nhiều chó, anh Di và anh D không hòa thuận. Anh D không cho anh Đ làm hàng rào là không hợp lý, vì đó là đất của anh Đ. Nếu anh Đ chừa đường đi cho anh D ra đường đal thì chừa chiều ngang 02m là hợp lý, có lần ông nghe anh Đ nói thống nhất chừa cho anh D đường đi 02m nhưng chừa chỗ đường đất hay đường đal thì ông không biết, khi anh D di dời nhà ỏi thì anh Đ lấy lại đất và rào lại hết. Đất của anh Đ muốn rào lại hay không là quyền của anh Đ.

Bà Phạm Thị P, trình bày: Bà không có bà con, mâu thuẫn gì với hai bên tranh chấp. Đất của bà giáp ranh với đất mồ mã của ông L (đối diện đường đal). Trước đây phần đất mồ mã là cái ao của ông L, do ông bà cho. Bà không nhớ rõ ông L sử dụng đất từ khi nào, chỉ nhớ rất lâu, có lần nhà bà đào ao nên cho đất dư cho ông L lấp ao. Không nhớ nhà anh D cất khi nào, nhớ nhà anh D cất trước khi ông L lấp ao và anh D đi đường trên thành ao của ông L. Lúc anh D cất nhà, khi ông L lấp ao cũng không có ai tranh chấp. Lúc đầu, bên anh Đ có ý chừa cho anh D đường đi ra đường đal, chiều ngang 01m nhưng sau đó không biết lý do gì anh Đ không đồng ý chừa đường nữa. Nếu anh Đ làm vòng thành khu mồ mã cũng nên chừa cho gia đình anh D đường đi từ nhà ra đường đal, chiều ngang từ 1,5m đến 02m là hợp lý. Bà đã lớn tuổi nên yêu cầu vắng mặt tại các phiên tòa tại Tòa án các cấp.

Ông Châu Văn Th, trình bày: Ông không có bà con, mâu thuẫn gì với hai bên tranh chấp. Ông là chồng của bà P và ông có nghe lời trình bày của bà P. Ông trình bày bổ sung. Ông L sử dụng cái ao cách đây khoảng 60 năm, lấp ao cách nay hơn 40 năm. Nhà anh D cất khoảng 04 năm trở lại. Theo ông biết th bên anh Đ có chừa đường đi từ nhà anh D ra đường đất cặp nhà anh Di nhưng anh D không đồng ý. Theo ông biết anh D, anh Di không hòa thuận, anh Đ chừa đường đi với điều kiện khi anh D di dời nhà đi phải trả đất lại cho gia đình anh Đ, việc chừa đường đi hay không là quyền của anh Đ, vì đó là đất của ông L. Ông đã lớn tuổi nên yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử tại Tòa án các cấp.

Bà Hồ Thị L, trình bày: Bà không có quan hệ, bà con cũng không có mâu thuẫn chỉ là hàng xóm với hai bên tranh chấp. Khi mẹ bà còn sống có kể cho bà nghe nguồn gốc đất là của ông bà ông T, ông N cầm cố cho người ta, sau đó ông N chuộc lại rồi hai anh em ông T, ông N sử dụng, không biết diện tích đất ông N, ông T sử dụng bao nhiêu. Nhưng theo bà đất của bà có chiều ngang 33m thì đất của

ông N, ông T cũng khoảng 36m. Lúc đó, anh em ông T, ông N thuận thảo, mỗi người sử dụng một khúc nhưng không biết rõ mỗi bên sử dụng bao nhiêu. Bên ông T sử dụng phía dưới và cho con cháu, sử dụng còn bên ông N sử dụng phía trên và cho con cháu, sử dụng. Con cháu ai sử dụng trước thì sử dụng, có khi lấn qua lấn lại, không phải ranh thẳng. Phần đất tranh chấp trước đây là cái ao của ông L sử dụng, bà N có trồng cây me tây trên thành ao. Từ nhà anh D ra đường đal thì đi trên thành ao ông L, khi ông L lấp ao, ông D cất nhà thì không có ai tranh chấp chỉ khi anh Đ xây vòng thành (hàng rào) khu mồ mã thì hai bên tranh chấp. Nếu anh Đ muốn xây vòng thành thì nên chừa đường đi cho anh D từ 1,5m từ nhà anh Du ra đường đal, nếu chừa đường đi chỗ nhà anh Di thì khó đi. Vì nhà anh Di nuôi nhiều chó, anh Di và anh D cũng không thuận thảo. Bà đã lớn tuổi nên xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử của Tòa án các cấp.

Bà Đặng Ngọc X, trình bày: Bà không có bà con, cũng không có mâu thuẫn chỉ là hàng xóm với hai bên tranh chấp. Bà không biết nguồn gốc đất tranh chấp là của ai, chỉ biết phần khu nghĩa địa là do ông út Thanh D quản lý, ai trong dòng tộc chết thì ông Thanh D chỉ chỗ chôn. Mộ ông L lớn, cao ráo phía anh Đ không nên xây vòng thành (hàng rào) để anh D đi tới đi lui. Bà cũng ít đi lại thường xuyên ra phần đất tranh chấp nên không biết ai sử dụng, sử dụng khi nào. Bà lớn tuổi nên không thể để đến Tòa án nên bà xin vắng mặt tại các phiên tòa xét xử của Tòa án các cấp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Tô Đ là Luật sư Nguyễn Hồng T, trình bày: Nguồn gốc đất là của ông T cho ông Tô L. Gia đình ông L quản lý, sử dụng đất từ khi được cho đất đến nay đã trên 50 năm. Khi ông L qua đời anh Đ xây hàng rào thì anh D, ông Thanh D ngăn cản và yêu cầu gia đình anh Đ chừa lối đi cho gia đình anh D nhưng trong quá trình giải quyết vụ án thì anh D, ông Thanh D không có nộp đơn yêu cầu phản tố về việc yêu cầu chừa lối đi cho gia đình anh D. Đồng thời, hiện gia đình anh D đã di dời nhà đi nơi khác và anh D, ông Thanh D không có chứng cứ chứng minh đất của ông bà chưa chia. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xác định ranh đất theo sơ đồ đo đạc thực tế và công nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn và buộc anh D, ông Thanh D chấm dứt hành vi cản trở gia đình anh Đ xây dựng hàng rào đối với diện tích đất của mình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Tô D là trợ giúp viên pháp lý ông Lý Ngọc B, trình bày: Trong quá trình tiếp xúc với anh Tô D thì anh D không hợp tác, tại phiên tòa anh D cũng không có mặt nên ông không biết được nguyện vọng, ý kiến của anh D như thế nào. Do đó, ông không có ý kiến về việc các nguyên đơn yêu cầu đối với anh D và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông bà để lại cho mỗi người con một phần đất và ông L đã sử dụng

trước năm 1970 cho đến nay có diện tích là 301,4m^2 đất, đất hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông L đã đào ao nuôi cá, lấp ao, trồng cây ổn định, lâu dài, liên tục phù hợp với lời khai của những người làm chứng chị Tô Thị Cẩm V, anh Tô Văn L, ông Tô Hồng S, ông Tô Thanh T. Ông Thanh D, anh D không có chứng cứ chứng minh đất của tộc họ giao cho ông Thanh D sắp xếp việc sử dụng đất và phía nguyên đơn không thừa nhận vấn đề này, hiện nay, bị đơn anh Tô D đã di dời căn nhà đi nơi khác. Do đó, không có nhu cầu đi lại sinh hoạt hàng ngày, còn nhà của ông Tô Thanh D cất ở phía ngoài lộ xã L. Từ đó, việc các nguyên đơn xây dựng hàng rào trên phần đất của ông L sử dụng lâu dài khoảng 50 năm không làm ảnh hưởng đến việc đi lại sinh hoạt hàng ngày của các bị đơn cũng như anh D không có nhu cầu về lối đi nữa. Do đó, căn cứ vào Điều 236 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 166 Luật đất đai năm 2013 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, xác định ranh giới quyền sử dụng đất từ M1-M2-M3-M4-M5-M6-M1 có diện tích 301,4m^2 theo sơ đồ đo đạc ngày 09/02/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện HN. Buộc các bị đơn chấm dứt hành vi ngăn cản việc các nguyên đơn xây dựng hàng rào để bảo vệ mồ mã.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và lời phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của các nguyên đơn anh Tô Đ, bà Huỳnh N, chị Tô A, chị Tô L, anh Tô T, anh Tô N yêu cầu Tòa án xác định ranh giới quyền sử dụng đất và yêu cầu anh D, ông Thanh D chấm dứt hành vi xâm phạm quyền sử dụng tài sản được quy định tại khoản 24 Điều 3, điểm b khoản 2 Điều 203 Luật đất đai năm 2013, khoản 2 Điều 11, khoản 2 Điều 164 của Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 9, khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn anh Tô D, ông Tô Thanh D, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đoàn Thị K, chị Tô Thị Thùy D, chị Tô Thị Ngọc T, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh D là ông Nguyễn Văn T và những người làm chứng chị Tô Thị Cẩm V, anh Trần Phước C, ông Tô Thanh T, anh Tô Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, vắng mặt không có lý do. Đối với những người làm chứng như bà Phạm Thị P, ông Châu Văn Th, bà Hồ Thị L, bà Đặng Ngọc X, ông Tô Hồng S có yêu cầu xét xử vắng mặt. Đồng thời, những người làm chứng đã có lời khai với Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh D, ông Thanh D, chị K, chị D, chị T, chị V, anh C, ông T, anh L, bà P, ông Th, bà L, bà X, ông S là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa anh Tô Hữu Đ và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Đ yêu cầu Hội đồng xét xử công nhận quyền sử dụng đất cho các nguyên đơn đối với diện tích đất đang sử dụng là 301.4m^2 thuộc một phần thửa đất số 85, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại ấp L, xã B, huyện HN. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc yêu

cầu công nhận quyền sử dụng đất của anh Đ là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và phạm vi được ủy quyền. Vì tại đơn khởi kiện các nguyên đơn yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất, vì nghĩ đất đã thuộc quyền sử dụng của các nguyên đơn nên yêu cầu xác định ranh đất mà không biết đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và để có căn cứ xác định ranh đất thì phải được công nhận quyền sử dụng đất. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận việc bổ sung yêu cầu khởi kiện của anh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 86, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét về nguồn đất đang tranh chấp theo mảnh trích đo số 02/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện HN ngày 09/02/2018 có diện tích thực tế là 301,4m^2 thuộc một phần thửa đất số 85, tờ bản đồ số 08, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì các đương sự đều thừa nhận là của ông Tô Văn T để lại cho ông Tô Hồng L là chồng của bà Huỳnh N, cha của anh Tô Đ, chị Tô A, chị Tô L, anh Tô T, anh Tô N. Việc anh Tô D, ông Tô Thanh D cho rằng diện tích đất các nguyên đơn sử dụng thì ranh đất không rõ ràng và đất ông bà không chia là chưa phù hợp. Ý ông Thanh D, anh D đều thừa nhận nguồn gốc đất là của ông D để lại cho con là ông N và ông T từ năm 1945, sau đó ông T, ông N chia cho các con của mình sử dụng như đào ao và sử dụng cho đến nay đã ổn định, lâu dài, liên tục trên 30 năm. Thực tế, ngay từ đầu ông N, ông T đã thỏa thuận chia đất để sử dụng và ông N, ông T cũng chia đất cho các con của mình. Đồng thời, cửa nhà của anh D quay về phần đất của ông L và đi trên thành ao của ông L phù hợp với lời khai những người làm chứng Tô Thị Cẩm V, anh Tô Văn L, anh Trần Phước C, ông Tô Hồng S, ông Tô Thanh T, bà Phạm Thị P, ông Châu Văn Th, bà Hồ Thị L. Mặt khác, người làm chứng bà Đặng Ngọc X trình bày là phần đất tại khu vực mộ gia Tô phủ là nơi chôn cất những người trong tộc họ Tô do ông Thanh D quản lý. Điều này cho thấy, diện tích đất ông L được cho không phải là đất của tông chi dùng vào việc chôn cất như lời anh D, ông Thanh D trình bày là ai chết thì chôn, không có chỗ ở thì vào cất nhà ở mà là của ông L được cho riêng nên ông L mới đào ao, trồng cây mà không có ai tranh chấp hay ngăn cản và anh Tô D, ông Tô Thanh D không có chứng cứ chứng minh đất của ông bà chung chưa chia. Tại phiên tòa bà Huỳnh N có mặt thống nhất cùng các con là anh Tô D, chị Tô L, anh Tô T, anh Tô N, chị Tô A cùng sở hữu diện tích đất trên. Do đó, không chấp nhận ý kiến của anh D, ông Thanh D là đất của ông bà chưa chia và công nhận quyền sử dụng đất cho các nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 236 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất theo sơ đồ đo đạc thực tế của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện HN có diện tích 301,4m^2 thuộc một phần thửa đất số 85, tờ bản đồ số 08. Tại khoản 1 Điều 175 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "1. Ranh giới giữa các bất động sản liền kề được xác lập theo thỏa thuận hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Ranh giới cũng có thể được xác định theo tập quán hoặc theo ranh giới đã tồn tại từ ba mươi năm trở lên mà không có tranh chấp". Xét, Hội đồng xét xử đã công nhận quyền sử dụng đất cho các nguyên đơn và anh D thừa nhận hiện trạng các gốc cây do bà N

trồng trên thành ao của ông L đến nay vẫn còn tồn tại trên đất. Đồng thời, anh Tô Văn L là người có đất giáp ranh với phần đất các nguyên đơn sử dụng đã thống nhất ranh đất giữa anh L và các nguyên đơn là cây me tây gần nhà anh D (từ mốc M2 đến mốc M3). Do đó, việc yêu cầu xác định ranh đất của các nguyên đơn là có căn cứ nên ranh đất giữa anh Tô Đ và anh Tô D, ông Tô Thanh D được xác định là đường thẳng từ mốc M1 đến mốc M2 có chiều dài là 13,2m và sau khi xác định ranh xong, các bên được sử dụng không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới đất của mình, phải chặt đốn cây cối, di dời nhà và vật kiến trúc khác (nếu có) nằm trên ranh đất, không được làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất liền kề của người khác phù hợp với quy định tại Điều 175 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Việc ông Thanh D cho rằng ông không có tranh chấp gì với các nguyên đơn nhưng ông yêu cầu các nguyên đơn chừa đường đi cho gia đình anh D từ mốc M6 đến gốc me tây thứ hai theo sơ đồ bắn thẳng ra đường đal và từ mốc M2 đến M3 có chiều ngang 1,5m và ao của ông L chỉ đến gốc me trước cửa nhà anh D, không phải mốc M1, M2 và ông không thống nhất ranh đất theo sơ đồ đo đạc thực tế. Hội đồng xét xử nhận thấy ông Thanh D đã thừa nhận cây me tây (chỗ mốc M2 trồng trên thành ao) là của ông L trồng và hiện các gốc cây do bà N trồng vẫn còn tồn tại trên đất. Đồng thời, khi anh Đ xây dựng hàng rào đến mốc M6 thì ông Thanh D biết nhưng không cản và còn yêu cầu anh Đ chừa lối đi cho gia đình anh D từ mốc M6, đến gốc cây thứ hai trên sơ đồ ra đường đal. Điều này, cho thấy ranh đất hai bên không phải gốc cây ông Thanh D trình bày. Việc ông Thanh D ngăn cản không cho các nguyên đơn xây hàng rào trên diện tích đất của mình và không thống nhất ranh đất hai bên từ mốc M1 đến mốc M2 và việc yêu cầu anh Đ chừa lối đi cho gia đình anh D là thể hiện sự phản đối đối với các yêu cầu của nguyên đơn nhưng ông Thanh D, anh D không nộp đơn yêu cầu phản tố đối với yêu cầu về lối đi cũng như tranh chấp quyền sử dụng đất. Mặt khác, anh Tô Văn L là người có đất giáp ranh với diện tích đất tranh chấp thống nhất ranh đất giữa anh L và anh Đ là từ mốc M2 đến mốc M3. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến của ông Thanh D, anh D.

Đối với yêu cầu anh Tô D, ông Tô Thanh D chấm dứt hành vi ngăn cản việc xây dựng hàng rào xunh quanh phần đất có diện tích là 301,4m^2 đất thuộc một phần thửa đất số 85, tờ bản đồ số 08. Như Hội đồng xét xử đã nhận định diện tích đất trên đã được Hội đồng xét xử công nhận quyền sử dụng đất cho các nguyên đơn và đã xác định ranh đất giữa hai bên. Việc ông Thanh D, anh D có hành vi ngăn cản không cho các nguyên đơn xây dựng hàng rào vì cho rằng gia đình anh D không có đường đi nhưng hiện tại hộ gia đình anh D đã di dời toàn bộ căn nhà của mình về ấp Hòa T, xã Tân H, thị xã HN và có xác nhận của Chính quyền địa phương xã B, huyện HN và Công an xã Tân H, thị xã HN nên nhu cầu về lối đi của anh D và gia đình anh D không còn nữa. Mặt khác, anh D, ông Thanh D không có yêu cầu phản tố. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên buộc anh Tô D, ông Tô Thanh D chấm dứt hành vi ngăn cản trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng đất của các nguyên đơn là phù hợp với khoản 2 Điều 11, khoản 2 Điều 164 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn anh Tô Đ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của anh Tô D không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy 301,4m^2 đất thuộc một phần thửa đất số 85, tờ bản đồ 08 tọa lạc ấp L, xã B đã được ông Tô Văn T cho ông Tô Hồng L là chồng của bà Huỳnh N, cha của anh Tô Đ, chị Tô A, chị Tô L, anh Tô T, anh Tô N đã được sử dụng ổn định, lâu dài, liên tục trên 30 như trồng cây, đào ao. Nghĩ nên công nhận quyền sử dụng đất cho các nguyên đơn và xác định ranh đất giữa các bên theo sơ đồ đo đạc và buộc ông Tô Thanh D, anh Tô D chấm dứt hành vi ngăn cản các nguyên đơn xây dựng hàng rào đối với việc sử dụng diện tích đất trên là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật Đất đai năm 2013.

Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Tổng cộng là 2.025.000đ, do yêu cầu của các nguyên đơn được chấp nhận nên ông Tô Thanh D và anh Tô D phải chịu chi phí này. Anh Đ đã tạm ứng và đã chi xong nên ông Thanh D, anh D có trách nhiệm liên đới trả lại cho anh Đ 2.025.000đ là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Tô Đ, bà Huỳnh N, chị Tô A, chị Tô L, anh Tô T, anh Tô N (do anh Đ nộp) được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai số 14533 ngày 15/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN. Ông Tô Thanh D và anh Tô D mỗi người chịu 300.000đ đối với yêu cầu của các nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Bị đơn anh Tô D được miễn chịu tiền án phí do thuộc hộ nghèo phù hợp với quy định tại Điều 144 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm đ Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9, khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 86, khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 91, Điều 144, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 166, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 11, khoản 2 Điều 164, khoản 1 Điều 175, Điều 236 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 24 Điều 3, khoản 5 Điều 166, điểm b khoản 2 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Tô Đ, bà Huỳnh N, chị Tô A, chị Tô L, anh Tô T, anh Tô N về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất và xác định ranh giới quyền sử dụng và yêu cầu anh Tô D, ông Tô Thanh D chấm dứt hành vi xâm phạm quyền sử dụng đất.

1.1 Anh Tô Đồng, bà Huỳnh N, chị Tô A, chị Tô L, anh Tô T, anh Tô N được quyền sử dụng phần đất có diện tích 301,4m^2 thuộc một phần thửa đất số 85, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp L, xã B, huyện HN, tỉnh Đ. Có vị trí:

Hướng Bắc giáp đất anh Tô D, ông Tô Thanh D từ mốc M1 đến mốc M2: 13,2m;

Hướng Nam giáp đường đal từ mốc M4 đến mốc M3:12,5m;

Hướng Đông giáp đất anh Tô Văn Lâm từ mốc M3 đến mốc M2: 21.4m;

Hướng Tây giáp đường đal từ mốc M4 đến mốc M5:3,7m, từ mốc M5 đến mốc M6:16,2m, từ mốc M6 đến mốc M1: 2,6m.

1.2 Ranh giới quyền sử dụng đất giữa anh Tô Đ, bà Huỳnh N, chị Tô A, chị Tô L, anh Tô T, anh Tô N với anh Tô D, ông Tô Thanh D là đoạn thẳng từ mốc M1 đến mốc M2:13,2m.

Theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 09/2/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện HN, tỉnh Đ.

Sau khi xác định ranh xong, các bên được sử dụng không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới đất của mình, phải chặt đốn cây cối, di dời nhà và vật kiến trúc khác (nếu có) nằm trên ranh đất, không được làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất liền kề của người khác.

Anh Tô Đ, bà Huỳnh N, chị Tô A, chị Tô L, anh Tô T, anh Tô N có trách nhiệm đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.3 Buộc ông ông Tô Thanh D và anh Tô D chấm dứt hành vi ngăn cản anh Tô Đ, bà Huỳnh N, chị Tô A, chị Tô L, anh Tô T, anh Tô N xây dựng hàng rào trên phần đất của mình được sử dụng có diện tích 301,4m^2 thuộc một phần thửa đất số 85, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp L, xã B, huyện HN, tỉnh Đ, có vị trí như trên.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Tô Thanh D và anh Tô D liên đới trả lại cho anh Tô Đ 2.025.000đ (Hai triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1 Anh Tô Đ, bà Huỳnh N, bà Tô A, chị Tô L, anh Tô T, anh Tô N (do anh Đ nộp) được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai số 14533 ngày 15/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN.

3.2 Ông Tô Thanh D chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

3.2 Anh Tô D được miễn chịu tiền án phí dân sự do thuộc hộ nghèo.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện HN;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Dung